TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-PT
Ngày: 12-6-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường;

Bà Lê Thị Thanh Thái.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công kH vụ án dân sự thụ lý số 164/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2019/QĐ-PT ngày 04/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

-*Bị đơn:* 1/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

2/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1938.

2/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1946

3/ Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1961.

4/ Ông Lê Văn H, sinh năm 1964.

5/ Ông Trần Hồng V, sinh năm 1959.

6/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

7/ Ông Lê Văn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn BG, xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

8/ Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1978.

9/ Bà Đỗ Thị Thu Tr, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, phường HT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoài Tiến - Trưởng Văn phòng luật sư số 7 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, ông Lê Văn H: Bà Lê Thị U.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Ông Lê Văn Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Nh, bà Đỗ Thị Thu Tr: Ông Lê Văn C.

Tại phiên tòa có mặt bà Lê Thị U, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn L, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Đ1, ông Trần Hồng V, Luật sư Nguyễn Hoài Tiến.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Cha bà tên Lê Tấn Th (chết năm 1969), mẹ tên Trần Thị Đ (chết năm 2008). Cha mẹ bà sinh được 8 người con gồm: Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn L, Lê Văn Đ1, Lê Văn H và Lê Thị U.

Cha mẹ bà chết có để lại khối di sản gồm: 5.000m^2 ở thửa số 176 đất trồng cây lâu năm ở khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết hiện do ông Lê Văn C đang quản lý. Lúc còn là đất của cha mẹ thì đất này là đất trồng cây, không có nhà Ca, đến khi ông C quản lý thì ông C cho vợ chồng cháu Nh+ Tr (con ông C) cất nhà ở. Hiện nay trên phần đất này có căn nhà của vợ chồng ông Lê Văn Nh. Ngoài ra cha mẹ bà còn để lại một số tài sản gồm: Thửa đất số 120 diện tích 200m^2 trên đất có 01 căn nhà tự (nhà cấp 4) hiện do bà H và ông H đang ở, thửa đất số 121 diện tích 400m^2 và thửa đất số 122 diện tích 600m^2 (đã chuyển nhượng cho người khác, bà không tranh chấp).

Khi làm đơn khởi kiện bà chưa kê kH thửa đất số 119 diện tích 160m^2, hiện nay ông Lê Văn Đ đã cất nhà ở và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, do trước đây bà nghĩ thửa đất này nằm trong 02 thửa đất số 120 và số 121, nhưng sau đó bà phát hiện thửa đất 119 nằm riêng biệt nên bà làm đơn khởi kiện bổ sung.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản của cha mẹ để lại gồm: Thửa diện tích 160m^2 do ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng, thửa đất số 120 diện tích 200m^2 trên đất có 01 căn nhà tự do bà Lê Thị H và ông Lê Văn H đang quản lý sử dụng, thửa đất số 121 diện tích 400m^2 (03 thửa đất này hiện tọa lạc tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết) và 5.000 m^2 ở thửa số 176 đất trồng cây lâu năm ở Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết hiện nay gia đình ông Lê Văn C đang quản lý, sử dụng.

Bị đơn Lê Văn C trình bày: Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thông tin của cha mẹ, các anh chị em của ông.

Cha mẹ ông chết chỉ để lại phần đất diện tích hơn 600m^2 trên đất có 01 căn nhà tự ở Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết (đường Nguyễn Đình Chiểu) hiện do bà H và ông Hết đang ở. Sau đó mẹ ông cũng đã bán cho em Đ khoảng hơn 200m^2, nay ông đồng ý chia thừa kế phần đất còn lại + nhà tự theo quy định của pháp luật.

Phần đất 5.000m^2 ở thửa số 176 đất trồng cây lâu năm ở Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết theo ông là di tích của cha mẹ chứ không phải là di sản. Ông thừa nhận phần đất này trước đây do cha mẹ tạo lập nhưng đến khi chiến tranh thì phần đất này bỏ trống. Sau giải phóng miền Nam, cha ông chết, ông là con trai lớn nên đứng ra trực tiếp canh tác. Đến năm 2000 thì Nhà nước tiến hành đo đạc và đến năm 2002 thì ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ Đ) phần đất trên, việc cấp sổ cũng được niêm yết tại địa phương và mẹ ông cũng không có ý kiến gì. Hiện nay phần đất này ông để cho con trai tên Lê Văn Nh đứng tên, cất nhà ở với diện tích là 4.057m^2. Nay bà U kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất này ông có ý kiến như sau: Nếu Tòa án chia phần đất này theo yêu cầu của bà U thì ông cũng đồng ý nhưng với điều kiện yêu cầu phải hoàn công lại cho ông từ năm 1975 cho đến nay mỗi ngày 200.000đồng và hoàn trả tiền giá trị tài sản có trên đất cho gia đình ông.

Đối với thửa đất số 119 diện tích 160m^2, hiện nay ông Lê Văn Đ đã cất nhà ở, trước đây mẹ đã làm giấy tờ cho ông Đ, đã được Nhà nước cấp sổ Đ. Nay bà U kiện chia thửa đất này ông không đồng ý vì mẹ đã cho ông Đ.

Hiện nay phần đất có mộ của cha mẹ bị giải tỏa, ông yêu cầu nên C ra người đại diện để lo việc cải táng mộ cho cha mẹ.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thông tin của cha mẹ, các anh chị em của ông. Cha mẹ ông chết chỉ để lại phần đất ở thửa 120 + 121 trên đất có 01 căn nhà tự tại khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết hiện do bà H và ông Hết đang ở. Lúc còn sống mẹ ông Đ đã chuyển nhượng 241m^2 đất cho ông Đ, việc chuyển nhượng này các anh em trong gia đình đều

biết, hiện nay phần đất còn lại có diện tích 359m^2 trên đất có 01 căn nhà tự. Nay bà U kiện chia thừa kế, ông đồng ý chia phần di sản này. Về phần đất ở thửa số 176 đất trồng cây lâu năm ở Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, ông thống nhất theo lời kH của ông C, ông không bổ sung gì thêm.

Đối với thửa đất số 119 diện tích 160m^2 ở Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, trước đây mẹ ông đã làm giấy tờ cho ông từ năm 1994, đến năm 1995 vợ chồng ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà U kiện chia thửa đất này ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị U, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm: Thửa đất số 119 diện tích 160m^2 do ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng, thửa đất số 120 diện tích 200m^2 trên đất có 01 căn nhà tự do bà Lê Thị H và ông Lê Văn H đang quản lý sử dụng, thửa đất số 121 diện tích 400m^2 (03 thửa đất này hiện tọa lạc tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết) và thửa đất số 176, đất trồng cây lâu năm ở Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết hiện do ông Lê Văn C đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:

Về nội dung ông nhất trí với trình bày của bà Lê Thị U, về phần đất hiện nay ông Đ đang quản lý, ông xác định cha mẹ không cho nên yêu cầu đưa phần đất này vào tài sản chung để chia cho các thành viên trong gia đình. Toàn bộ di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm: thửa đất số 119 diện tích 160m^2 do ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng, thửa đất số 120 diện tích 200m^2 trên đất có 01 căn nhà tự do bà Lê Thị H và ông Lê Văn H đang quản lý sử dụng, thửa đất số 121 diện tích 400m^2 (03 thửa đất này hiện tọa lạc tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết) và 5.000m^2 đất trồng cây lâu năm ở Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết hiện do ông Lê Văn C đang quản lý. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C và Lê Văn Đ là không đúng quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án xem xét chia toàn bộ tài sản của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật, đồng thời tính công sức giữ gìn, cải tạo thửa đất số 176 cho ông Lê Văn C, việc tính công sức cụ thể như thế nào thì do Tòa án quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 trình bày:

Việc ông C và ông Đ trình bày là hoàn toàn không dúng, ông xác định phần tài sản bà U đang tranh chấp là tài sản của cha mẹ đế lại. Nay ông yêu cầu chia tài sản của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:

Về nội dung ông nhất trí với lời trình bày của bà Lê Thị U, ông yêu cầu chia tài sản của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật. hiện nay ông đang ở tại căn nhà tự cùng bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hồng V trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị U. Phần tài sản hiện nay đang tranh chấp là tài sản của gia đình bà U, bản thân ông chỉ muốn anh em trong gia đình hòa hợp để giải quyết. Vợ chồng ông có cất 01 căn nhà cấp 4 diện tích 38,64m^2 + 01 nhà vệ sinh trên phần đất có diện tích 600m^2 (nằm phía sau nhà tự). Nay anh em trong gia đình yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ, ông yêu cầu Tòa án chia phần đất có nhà của vợ chồng ông cho bà U, để vợ chồng ông tiếp tục ở tại căn nhà này.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đưa vụ án ra xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST, quyết định:

Áp dụng:

- Điều 5, Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 85, Điều 91, Điều 93, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990.

- Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U về việc tranh chấp thừa kế về tài sản của ông Lê Tấn Th và bà Trần Thị Đ.

Xác định tài sản chung của ông Lê Tấn Th, bà Trần Thị Đ gồm:

Thửa số 176 diện tích 4.057m^2 tại Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 1.160.302.000đồng;

Thửa đất số 120 diện tích 200m^2 tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 1.447.600.000đồng;

Thửa đất số 121 diện tích 400m^2 tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 825.200.000đồng vả 01 căn nhà tạm cấp 4 (nhà tự) diện tích 57,5m^2 trị giá 25.013.000đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 3.458.115.000đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng).

Trừ phần công sức cho ông C là 1.017m^2 x 286.000đồng/m^2 = 290.862.000đồng.

Trừ phần tiền của ông Đ là 390.429.000đồng (số vàng 50 chỉ là 175.000.000đồng + tiền thiệt hại trong hợp đồng chuyển nhượng là 215.429.000đồng).

Giá trị di sản còn lại là: 2.776.824.000đồng, chia di sản bằng tiền mỗi người được nhận 347.103.000đồng.

Bà H, bà T, ông L, ông H, ông Đ1, bà Ú mỗi người được nhận 347.103.000đồng, ông C được nhận 637.965.000đồng, ông Đ được nhận 737.532.000đồng.

Chia bằng hiện vật:

-Giao cho ông Lê Văn C và hộ Lê Văn Nh được quyền sử dụng phần đất ở thửa số 176 diện tích 4.057m^2 tại khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 712071 do UBND thành phố Phan Thiết cấp ngày 25/6/2009 (hiện nay tên người sử dụng là hộ ông Lê Văn Nh) có sơ đồ bản vẽ đất kèm theo giấy chứng nhận.

- Giao cho ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 241m^2 (21m^2 ở thửa số 120 vả 220m^2 ở thửa số 121) tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700683 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp ngày 10/9/2003 (hiện nay tên người sử dụng là hộ ông Lê Văn Đ) có sơ đồ bản vẽ đất kèm theo giấy chứng nhận.

- Giao cho bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U đồng sở hữu căn nhà tạm diện tích 57,5m^2 (nằm trên thửa đất số 120) và sử dụng phần đất kèm theo diện tích 359m^2 (179m^2 ở thửa số 120 và 180m^2 ở thửa số 121) tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết (sơ đồ bản vẽ đất kèm theo thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 912000 của Ủy ban nhân dân thị xã Phan Thiết cấp ngày 05/10/1995 cho bà Đ).

Phần hoàn tiền:

Ông Lê Văn C và hộ Lê Văn Nh hoàn lại 522.337.000đồng cho các đồng thừa kế khác gồm: cho ông Lê Văn Đ1 347.103.000đồng, cho ông Lê Văn Đ 131.674.000đồng và cho ông Lê Văn L 43.560.000đồng.

Bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U hoàn lại 650.646.500đồng cho các đồng thừa kế khác gồm: cho bà Lê Thị T 347.103.000đồng và cho ông Lê Văn L 303.543.000đồng.

Về án phí: Bà H, bà Tư là người cao tuổi nên được miễn án phí, ông Hết là hộ nghèo nên đươc miễn án phí. Ông C, ông Đ, ông Long, ông Đen, bà U phải chịu 17.355.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 04/12/2012 bà U đã nộp 7.500.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001849 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay được chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước, bà U còn phải nộp thêm 9.855.000đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả cho bà Lê Thị U và ông Lê Văn L 4.000.000đồng tiền tạm ứng áp phí (yêu cầu bổ sung) theo biên lai số 0013383 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu ngày 19/5/2017.

Về chi phí thẩm định giá là 7.737.000đồng do bà Lê Thị U tạm ứng chi trả, nay được chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người phải chịu 967.125đồng. Bà H, bà Tư, ông C, ông Đ, ông Long, ông Đen, ông Hết mỗi người phải hoàn trả lại cho bà U 967.125đồng.

Ngày 12/10/2017, ông Lê Văn C và ông Lê Văn Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/10/2002 giữa bà Trần Thị Đ với ông Lê Văn Đ. Bác yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị U đối với diện tích đất 241m^2 và 4.075m^2.

Ngày 20/10/2017, ông Lê Văn L và bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm. Chia thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị U rU đơn khởi kiện, rU toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ có kháng cáo đồng ý việc rU đơn khởi kiện của nguyên đơn và rU đơn kháng cáo.

Sau đó nguyên đơn bà Lê Thị U thay đổi ý kiến, bà xác định không rU đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn C và ông Lê Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L, bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Qua quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong vụ án, nhận thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất chưa đúng quy định của pháp luật, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận di sản là thửa đất số 176 và diện tích đất 241m^2 thuộc thửa đất số 220 và thửa đất số 221 và chia bằng hiện vật cho những người đang quản lý, sử dụng đất thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Lê Văn Nh, bà Đỗ Thị Thu Tr vắng mặt, có ủy quyền cho ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn C nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị U khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ chia tài sản thừa kế là quyền

sử dụng đất do cha mẹ chết để lại. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Phan Thiết và quyền sử dụng đất tranh chấp thừa kế tọa lạc tại phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thừa kế tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là đúng pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về người hưởng di sản thừa kế và hàng thừa kế: Ông Lê Tấn Th chết năm 1969 và bà Trần Thị Đ chết năm 2008. Ông Thành, bà Đ chết không để lại di chúc nên di sản của ông bà được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 8 người con là: Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn L, Lê Văn Đ1, Lê Văn H và Lê Thị U, không còn thừa kế nào khác.

[3.2] Về tài sản là di sản thừa kế: Theo nguyên đơn khởi kiện cho rằng tài sản của H cụ để lại bao gồm diện tích đất thửa số 176, thửa đất số 120 trên đó có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tự) diện tích 57,5m^2 và thửa đất số 121 diện tích 400m^2 thửa đất số 119 diện tích 162m^2 do ông Đ đang sử dụng tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết. Theo chứng thư thẩm định giá số 398 ngày 10/5/2013 của Công ty cổ phần và tư vấn thẩm định giá Đông Nam (các đương sự đồng ý giữ giá theo chứng thư thẩm định). Tổng giá trị tài sản là 3.458.115.000đồng.

[3.3] Xét kháng cáo của các đương sự trong vụ án:

-*Đối với thửa đất 176*: Diện tích 4.057m^2 có giá 1.160.302.000đồng hiện do ông Lê Văn C đang quản lý sử dụng; Khi cha là cụ Lê Tấn Th (chết năm 1965), ông Lê Văn C quản lý sử dụng, năm 1995 mẹ là cụ Trần Thị Đ kê kH và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 3 thửa đất số 120, 121, 122 nhưng không kê khai để cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 176 này, sau đó ông C cho con trai là Lê Văn Nh đứng tên sử dụng đất thửa đất số 176 và được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, năm 2008 cụ Đ chết. Bà Ú khởi kiện cho rằng thửa đất số 176 là tài sản của cha mẹ để lại nên yêu cầu chia thừa kế, Ông C cho rằng đối với thửa đất số 176 này là di tích của cha mẹ để lại chứ không phải là di sản để chia thừa kế. Vì trước năm 1975 cha mẹ tạo lập rồi bỏ hoang, sau năm 1975 cụ Đ giao cho ông C quản lý sử dụng ổn định. Ông C yêu cầu nếu nguyên đơn và người liên quan khác muốn chia thừa kế thửa đất số 176 này thì phải bồi hoàn công sức cho ông từ 1975 đến nay = 100% giá trị thửa đất. Bản án sơ thẩm chấp nhận diện tích đất này là di sản thừa kế của cha mẹ sau khi trừ 40% công sức bảo quản duy trì khối tài sản này cho ông C, giá trị còn lại chia thừa kế là chưa có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ: Diện tích đất này là đất sản xuất nông nghiệp, trên đất không có tài sản (nhà ở, vật kiến trúc, cây lâu năm), người sử dụng đất là cụ Thành và cụ Đ không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có các loại giấy tờ về đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nên không được

quyền thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2003. Cụ Thành, cụ Đ cũng không nhận chuyển nhượng đất này từ người khác.

Căn cứ Điểm 1.4 Khoản 1 Phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ quy định tại tiểu mục 1.1, tiểu mục 1.2 mục 1 này và cũng không có di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 này, nếu có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Uỷ ban nhân dân theo quy định của pháp luật về đất đai"*.

Như vậy, Quyền sử dụng diện tích đất này không phải là di sản thừa kế. Bản án sơ thẩm xác định 60% trị giá diện tích đất thửa 176 là di sản thừa kế là không có căn cứ pháp luật gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của đương sự.

-Đối với thửa đất số 120, 121: Thửa đất số 120 diện tích 200m^2 giá 1.447.600.000đồng trên đất có 01 căn nhà tự (nhà cấp 4) giá 25.012.500đồng hiện do bà Lê Thị H và ông Lê Văn H đang ở; Thửa đất số 121 diện tích 400m^2 giá 825.200.000đồng do ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng. Tài sản này là di sản của H cụ Thành và cụ Đ, khi cụ Th chết, cụ Đ cũng là một trong những người được hưởng di sản cùng hàng với các con là đồng thừa kế.

Tổng diện tích 2 thửa là 600m^2 trong đó có 241m^2 diện tích đất năm 2001 ông Đ nhận chuyển nhượng lại từ mẹ là bà Đ (21m^2 thuộc thửa đất số 120, 220m^2 thuộc thửa đất số 121) với giá chuyển nhượng tại thời điểm này là 50 chỉ vàng 24k (đã giao đủ số vàng và có giấy tờ giao nhận vàng), các thành viên trong gia đình cũng biết việc chuyển nhượng này nên đến ngày 10/3/2003 các thành viên gia đình ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giao diện tích đất này cho ông Đ và được Phòng Tư pháp Phan Thiết chứng thực ngày 20/3/2003. Ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/9/2003. Bà U khởi kiện yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất này là di sản thừa kế. Ông Đ, ông C không chấp nhận vì cho rằng vào năm 2001 ông Đ đã thỏa thuận chuyển nhượng từ mẹ, có giao đủ tiền vàng cho mẹ và mẹ đã dùng khoản tiền này để chi phí cho mẹ và gia đình nên không đồng ý yêu cầu của bà U. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận có việc chuyển nhượng nhưng xét việc chuyển nhượng là vô hiệu nên chỉ giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Căn cứ Án lệ số 16/2017/AL về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*:* "*Di sản thừa kế là bất động sản đã được một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng. Các đồng thừa kế khác biết và không phản đối việc chuyển nhượng đó. Số tiền nhận chuyển nhượng đã được dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế. Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp và diện

tích đất 241m^2 đã chuyển nhượng không còn trong khối di sản để chia thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn Đ.

Trong hợp đồng chuyển nhượng lập và được chứng thực ngày 08/10/2002 giữa cụ Đ và ông Đ đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết xác nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ đúng thủ tục, như vậy theo Án lệ số 16/2017/AL nêu trên thì việc bà Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khi đó các đồng thừa kế biết nhưng không có ai phản đối, ngay cả ông Long là người không ký trong văn bản đồng ý cho cụ Đ là một trong đồng thừa kế chuyển nhượng đất nhưng ông Long biết việc bán đất của mẹ và ông không có ý kiến phản đối từ khi chuyển nhượng cho đến khi xảy ra tranh chấp thừa kế thì phải áp dụng án lệ để làm căn cứ công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng giữa cụ Đ và ông Đ là hợp pháp và diện tích đất 241m^2 được cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ không còn trong khối di sản để chia thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của hộ ông Lê Văn Đ.

Bản án sơ thẩm khi xem xét quyết định hợp đồng vô hiệu đã không áp dụng án lệ để giải quyết là có thiếu sót, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Diện tích đất còn lại của thửa đất số 120, thửa đất số 121 là 359m^2 trên đất có căn nhà cấp 4 hiện ông Hết, bà H đang quản lý sử dụng. Các đồng thừa kế đều xác định diện tích đất này là di sản chung để chia. Trên thửa đất số 120, thửa đất số 121 vợ chồng bà U xây dựng 01 căn nhà cấp 4A trị giá 105.007.140đồng. Do các đương sự không có yêu cầu, không tranh chấp nên không giải quyết.

-*Đối với thửa đất số 119:* Do ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng, diện tích 162m^2 thuộc tờ bản đồ số 2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 911011 đứng tên ông Đ. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu phân chia di sản thừa kế thửa đất này. Ông Đ không chấp nhận vì thửa đất này bà Đ đã cho ông quản lý sử dụng không ai tranh chấp. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì diện tích đất này không có cơ sở xác định là di sản thừa kế do cụ Đ đã định đoạt cho ông Đ trước khi cụ được cấp quyền sử dụng đất, đây là ý chí tự nguyện của cụ Đ, do vậy nên khi cụ kê kH với chính quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ kê kH đối với các thửa đất số 120, 121 và 122.

Kháng cáo của ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu không đưa diện tích đất thửa đất số 176 và diện tích 241m^2 thuộc một phần của diện tích thửa đất số 120 và một phần của diện tích thửa đất số 121 là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên chấp nhận kháng cáo.

Kháng cáo của ông Long bà Tư yêu cầu chia diện tích đất thừa kế, trong đó có thửa đất số 176 bằng hiện vật là không có căn cứ pháp luật vì thửa đất số 176 không phải là tài sản thừa kế để chia như đã nhận định ở phần trên, diện tích đất còn lại là đất ở đô thị đã có nhà ở của vợ chồng bà U và nhà tự, không còn

đất trống để chia. Kháng cáo của ông Long, bà Tư không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về di sản và phân chia di sản:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định di sản của cụ Thành, cụ Đ gồm:

-Thửa đất số 120 diện tích 179m^2 tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 1.295.602.000 đồng;

-Thửa đất số 121 diện tích 180m^2 tại Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 371.340.000 đồng;

- 01 căn nhà tạm cấp 4 (nhà tự) diện tích 57,5m^2 trị giá 25.013.000 đồng.

Tổng giá trị di sản là: 1.691.955.000đồng : 8 = 211.494.375đồng.

Bà H, bà Tư, ông Long, ông Hết, ông Đen, bà U, ông C, ông Đ mỗi người được nhận 211.494.375đồng.

Chia hằng hiện vật: Đối với phần đất có diện tích 359m^2 (trong thửa đất 120 diện tích 179m^2 và thửa đất số 121 diện tích 180m^2) trên đất có 01 căn nhà tạm (nhà tự) diện tích 57,5 m^2 nằm trên thửa đất số 120 do bà H, ông Hết đang ở và 01 căn nhà do vợ chồng bà U xây cất, đang ở. Hiện nay bà H, ông Hết và gia đình bà U đang quản lý sử dụng và cất nhà ở vì vậy không thể chia đều bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, đồng thời những người này không yêu cầu chia thừa kế cho mỗi người diện tích đất riêng biệt. Do đó, giao phần diện tích đất này cho bà H, ông Hết và bà U tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu phần tài sản (nhà ở) có trên đất là đúng pháp luật.

Phần hoàn tiền:

Bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U hoàn lại cho các đồng thừa kế gồm: bà Tư, ông Long, ông Đen, ông C, ông Đ mỗi người được nhận 211.494.375đồng.

Ông Lê Văn H, bà Lê Thị U chung sống với cụ Trần Thị Đ cùng sử dụng chung nhà ở và quyền sử dụng đất đến năm 2008 cụ Đ chết, ông Hết, bà U tiếp tục sinh sống và sử dụng tài sản thừa kế đến năm 2012 bà U khởi kiện. Nhà ở vẫn giữ nguyên hiện trạng, đất có nhà ở không bồi đắp, cải tạo gì nên không xem xét đến công sức đóng góp, duy trì và phát triển tài sản của ông Hết, bà U trong vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản này.

Từ những nhận định nêu trên, ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có căn cứ pháp luật.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên sửa án phí dân sự sơ thẩm, người kháng cáo không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại Tòa án cấp phúc thẩm là 9.598.000đồng do ông Lê Văn L tạm ứng chi trả, nên các đồng thừa kế

đều phải chịu 1/8 số tiền và cùng chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Long theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Khoản 3 Điều 296, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ.

Không chấp kháng cáo của ông Lê Văn L và bà Lê Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 85, Điều 91, Điều 93, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;
- Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 170, Điều 234, Điều 634, Điều 697 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương đương với Khoản 2 Điều 221, Điều 223, Điều 612, Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015);
- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U về việc tranh chấp thừa kế về tài sản của cụ Lê Tấn Th và cụ Trần Thị Đ.

1.1. Xác định hàng thừa kế của cụ Lê Tấn Th và cụ Trần Thị Đ gồm 08 người con: bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê Văn L, ông Lê Văn H, ông Lê Văn Đ1, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị U.

1.2. Xác định di sản của cụ Lê Tấn Th, cụ Trần Thị Đ gồm:

-Thửa đất số 120 diện tích 179m^2, địa chỉ: Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 1.295.602.000đồng;

-Thửa đất số 121 diện tích 180 m^2, địa chỉ: Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết trị giá 371.340.000đồng;

- 01 căn nhà tạm cấp 4 (nhà tự) diện tích 57,5m^2 trị giá 25.013.000đồng.

Tổng giá trị di sản là: 1.691.955.000đồng : 8 = 211.494.375đồng.

Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê Văn L, ông Lê Văn H, ông Lê Văn Đ1, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị U mỗi người được nhận 211.494.375đồng.

1.3. Chia bằng hiện vật:

-Giao cho bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U đồng sở hữu căn nhà tạm diện tích 57,5m^2 (nằm trên thửa đất số 120) và sử dụng phần đất kèm theo diện tích 359m^2 (179 m^2 ở thửa số 120 và 180 m^2 ở thửa số 121), địa chỉ đất: Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết (sơ đồ bản vẽ đất kèm theo thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 912000 của Ủy ban nhân dân thị xã Phan Thiết cấp ngày 05/10/1995 cho bà Trần Thị Đ).

-Bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.4. Phần hoàn tiền:

Bà Lê Thị H, ông Lê Văn H và bà Lê Thị U hoàn lại cho các đồng thừa kế gồm: bà Tư, ông Long, ông Đen, ông C, ông Đ mỗi người được nhận 211.494.375đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U về việc tranh chấp thừa kế về tài sản của cụ Lê Tấn Th và cụ Trần Thị Đ, gồm:

-Thửa số 176 diện tích 4.057m^2, địa chỉ: Khu phố 3, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 712071 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp ngày 25/6/2009 đứng tên hộ ông Lê Văn Nh.

-Diện tích 241m^2 (21m^2 ở thửa đất số 120 và 220m^2 ở thửa đất số 121), địa chỉ: Khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700683 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp ngày 10/9/2003 đứng tên hộ ông Lê Văn Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê Văn C, ông Lê Văn L là người cao tuổi, ông Lê Văn H là hộ nghèo nên được miễn án phí.

-Ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Đ1, bà Lê Thị U phải chịu 10.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 04/12/2012 bà U đã nộp 7.500.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001849 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay được chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước, bà U còn phải nộp thêm 3.075.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả cho bà Lê Thị U và ông Lê Văn L 4.000.000đồng tiền tạm ứng án phí (yêu cầu bổ sung) theo Biên lai số 0013383 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu ngày 19/5/2017.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

-Ông Lê Văn C, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn L không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lê Thị T là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

-Hoàn trả cho ông Lê Văn L 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020053 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

-Hoàn trả cho ông Lê Văn C 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019961 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

-Hoàn trả cho ông Lê Văn Đ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019962 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

5. Về chi phí thẩm định giá là 7.737.000đồng do bà Lê Thị U tạm ứng chi trả, nên chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người phải chịu 967.125đồng. Bà H, bà Tư, ông C, ông Đ, ông Long, ông Đen, ông Hết mỗi người phải hoàn trả lại cho bà U 967.125đồng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại cấp phúc thẩm là 9.598.000đồng do ông Lê Văn L tạm ứng chi trả, nên chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người phải chịu 1.199.750đồng. Bà H, bà Tư, ông C, ông Đ, ông Đen, ông Hết, bà Lê Thị U mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Long 1.199.750đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 12/6/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND TP. Phan Thiết;
-Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
-Đương sự;
-Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Chín